

**CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT OKOOKO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ NỘI THẤT OKOOKO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OKOOKO ARCHITECTURE AND INTERIOR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110340129

**3. Ngày thành lập:** 04/05/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8 ngõ 197 Dương Đức Hiền, thôn Kim Sơn, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977038100

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4659     |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Loại trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4662     |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299     |
| 8.  | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9524     |
| 9.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Tư vấn đấu thầu; Tư vấn Quản lý dự án xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng;<br>(Chấp hành theo quy định tại Điều 152, Điều 154, Điều 155 Luật Xây dựng 2014) | 7110     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế và trang trí nội thất                                                                                              | 7410        |
| 11. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                          | 1610        |
| 12. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                       | 1621        |
| 13. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                 | 1622        |
| 14. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                 | 1623        |
| 15. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                          | 2022        |
| 16. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                 | 4791        |
| 17. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(loại trừ kho ngoại quan)                                                                                                                | 5210        |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730        |
| 19. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100(Chính) |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 21. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 22. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 23. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 24. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm hoạt động nổ mìn)                                                                                                                   | 4312        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 28. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 29. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 30. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 31. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN MẬU BẮC

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/01/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092004034

Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Kim Sơn, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Kim Sơn, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MẬU BẮC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/01/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092004034

Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Kim Sơn, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Kim Sơn, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội